

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL, ngày 27 tháng 8 năm 2020  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

**Tên ngành, nghề:** Công tác xã hội

**Mã ngành, nghề:** 5760101

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THCS trở lên

**Thời gian đào tạo:** 2 năm

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo các nhân viên công tác xã hội trình độ trung cấp có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, có tinh thần say mê nghề nghiệp, nắm vững hệ thống kiến thức chuyên môn, thành thạo các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

**\* Về kiến thức:**

- Trình bày được kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển công tác xã hội trên thế giới và Việt Nam; đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của công tác xã hội; mối quan hệ giữa công tác xã hội và một số ngành học khác; xử lý khủng hoảng, các mô hình trong công tác xã hội,...

- Mô tả được lịch sử hình thành công tác xã hội: lý thuyết nhận thức hành vi, lý thuyết sinh thái, lý thuyết phân tâm, lý thuyết gia đình, lý thuyết phát triển đời người, thuyết nhu cầu, thuyết hệ thống;

- Phân biệt một cách cơ bản về các cấp độ can thiệp xã hội: cá nhân, nhóm, cộng đồng. Kết nối được phương pháp và kỹ năng trong tham vấn để ứng dụng một cách linh hoạt vào thực hành công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm và phát triển cộng đồng;

- Mô tả được mô hình tiếp cận khác nhau giúp đỡ đối tượng có vấn đề trong cuộc sống; kiến thức nghiên cứu và xây dựng chính sách;

- Khái quát được kiến thức quản lý, điều hành các hoạt động, dịch vụ trợ giúp cá nhân, gia đình, nhóm;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

**\* Về kỹ năng:**

- Sử dụng được các kỹ năng công tác xã hội cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dịch vụ trợ giúp các cá nhân, gia đình và nhóm để giúp họ tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu của mình;

- Kết nối được các nguồn lực để cải thiện, giải quyết vấn đề xã hội. Kết

nói, phát huy nguồn lực nhằm phát triển con người, quản lý xã hội một cách hài hòa ở cấp độ cá nhân, tổ chức nhằm phòng ngừa các yếu tố nguy cơ về tệ nạn xã hội, lệch lạc xã hội,...;

- Áp dụng được các kỹ năng: lắng nghe, quan sát, vấn đàm, vãng gia, tham vấn và viết báo cáo, truyền thông nhóm, xử lý xung đột nhóm, kỹ năng thương lượng;

- Đánh giá, phát hiện được các vấn đề trong cộng đồng, huy động nguồn lực phát triển cộng đồng, tham gia quản lý và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, tử mỹ, chính xác, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao;

- Nhận thức về bản thân, biết lắng nghe, thấu cảm, quản lý cảm xúc;

- Trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý. Có tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;

- Tuân thủ các quy điều đạo đức nghề nghiệp của ngành khoa học xã hội nói chung và của ngành công tác xã hội nói riêng.

**1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Công tác xã hội người cao tuổi;

- Công tác xã hội trẻ em và gia đình;

- Công tác xã hội cơ sở;

- Công tác xã hội người khuyết tật;

- Làm việc tại các cơ sở xã hội thuộc ngành Lao động, Thương binh – Xã hội như trung tâm tư vấn, các trung tâm bảo trợ xã hội, các trung tâm giáo dục lao động; Trung tâm cai nghiện ma túy, phục hồi nhân phẩm, nhân đạo, nuôi dưỡng người già, làm việc với các nhóm người dễ bị tổn thương, nhóm người nguy cơ...;

- Cán bộ phụ trách Công tác xã hội, văn hóa - xã hội tại xã phường;

- Giảng dạy cho trẻ khuyết tật tại các trường công lập và tư thục và các trung tâm như trẻ khiếm thính, trẻ chậm phát triển trí tuệ.

**2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học**

- Số lượng môn học: 24

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 55 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1155 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 335 giờ;

- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1027 giờ, Kiểm tra: 48 giờ

### 3. Nội dung chương trình

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
<b>I. Các môn học chung</b>		<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	GDQP&AN	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
<b>II. Các môn học cơ sở, chuyên môn</b>		<b>43</b>	<b>1155</b>	<b>241</b>	<b>879</b>	<b>35</b>
<b>II.1. Các môn học cơ sở</b>		<b>6</b>	<b>120</b>	<b>56</b>	<b>58</b>	<b>6</b>
MH 07	Xã hội học	2	30	28	0	2
MH 08	Chính sách xã hội	2	30	28	0	2
MH 09	An sinh xã hội và CVĐXH	2	60	0	58	2
<b>II.2. Các môn học chuyên môn</b>		<b>28</b>	<b>780</b>	<b>170</b>	<b>590</b>	<b>20</b>
MH 10	Nhập môn CTXH	2	30	28	0	2
MH 11	Công tác xã hội cá nhân	3	75	15	57	3
MH 12	Công tác xã hội nhóm	2	60	0	58	2
MH 13	Phát triển cộng đồng	3	75	15	57	3
MH 14	Quản lý dự án	2	60	0	58	2
MH 15	Giới và phát triển	2	30	28	0	2
MH 16	Sức khỏe cộng đồng	2	30	28	0	2
MH 17	Gia đình học	2	30	28	0	2
MH 18	Hành vi CN và MTXH	2	30	28	0	2
MH 19	Thực tế tại cơ sở	2	90	0	90	0
MH 20	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
<b>II. 3. Các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>5</b>	<b>135</b>	<b>15</b>	<b>115</b>	<b>5</b>
MH 21	Quản trị Công tác xã hội	2	60	0	58	2
MH 22	Tham vấn	3	75	15	57	3
<b>II.4. Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 hướng chuyên ngành sau)</b>		<b>4</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>116</b>	<b>4</b>
<b>Chuyên ngành: CTXH trong lĩnh vực an sinh</b>						
MH 23	Công tác xã hội với HIV/AIDS	2	60	0	58	2

MH 24	Công tác xã hội với người khuyết tật	2	60	0	58	2
<b>Chuyên ngành: CTXH trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe</b>						
MH 25	Công tác xã hội trong bệnh viện	2	60	0	58	2
MH 26	Công tác xã hội với người khuyết tật	2	60	0	58	2
<b>Chuyên ngành: CTXH trong lĩnh vực học đường</b>						
MH 27	Công tác xã hội trong trường học	2	60	0	58	2
MH 28	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	2	60	0	58	2
<b>Tổng:</b>		<b>55</b>	<b>1410</b>	<b>335</b>	<b>1027</b>	<b>48</b>

#### 4. Kế hoạch giảng dạy

<b>Học kỳ 1 14 (9,5)</b>	<b>Học kỳ 2 13 (9,4)</b>	<b>Học kỳ 3 13 (5,8)</b>	<b>Học kỳ 4 15 (1,14)</b>
GD Chính trị 2(2,0)	Chính sách xã hội 2 (2,0)	CTXH với nhóm 2 (0,2)	Tham vấn 3 (1,2)
Pháp luật 1(1,0)	ASXH và các VĐXH 2 (0,2)	Gia đình học 2 (2,0)	Quản trị CTXH 2 (0,2)
Giáo dục thể chất 1(0,1)	Nhập môn CTXH 2 (2,0)	Phát triển cộng đồng 3 (1,2)	TC chuyên ngành 2 (0,2)
GDQP – An ninh 2(1,1)	CTXH cá nhân 3 (1,2)	Sức khỏe cộng đồng 2 (2,0)	TC chuyên ngành 2 (0,2)
Tin học 2(1,1)	Giới và phát triển 2 (2,0)	Quản lý dự án 2 (0,2)	Thực tập tốt nghiệp 6 (0,6)
Tiếng Anh 4(2,2)	Hành vi CN và MTXH 2 (2,0)	Thực tế tại cơ sở 2 (0,2)	
Xã hội học 2 (2,0)			

## **5. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

### **5.1. Thực hiện các môn học trong chương trình đào tạo**

- Các môn học chung bắt buộc: các khoa, bộ môn tổ chức giảng dạy theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành;
- Chọn chuyên ngành và các môn tự chọn: Các khoa, bộ môn, CVHT-GVCN hướng dẫn HSSV chọn chuyên ngành phù hợp với bản thân, kèm theo các môn học theo hướng chuyên ngành đảm bảo đủ tối thiểu số tín chỉ quy định.
- Chọn các môn học thay thế: HSSV có thể lựa chọn các môn học thay thế quy định trong các môn học tự chọn của chương trình nhưng phải đảm bảo theo hướng chuyên ngành và có số tín chỉ không ít hơn số tín chỉ của môn học đã học;
- Thứ tự lựa chọn các môn học phải đảm bảo các môn học trước, các môn học tiên quyết quy định trong chương trình;
- Đảm bảo số tín chỉ tối thiểu và tối đa đối với từng trạng thái của HSSV trong thời điểm đăng ký môn học.

### **5.2 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa**

- Bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, tham gia thực hành thực tập tại phòng thực hành, tại các địa điểm thực tế vào thời điểm cuối khóa và thực tập nghề nghiệp;
- Học tập chính trị đầu khoá; Học tập về Tám gương đạo đức Hồ Chí Minh; Tham gia phong trào Thanh niên tình nguyện; Kỹ năng tìm việc làm;
- Tổ chức các diễn đàn Thanh niên lập nghiệp, Phát triển kinh tế hộ gia đình, Giáo dục an toàn giao thông, Giáo dục sức khoẻ giới tính;
- Thời gian hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm thích hợp.

### **5.3. Phương pháp giảng dạy**

- Giảng viên lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của người học, trên cơ sở phát triển vốn kiến thức, kỹ năng mà người học đã tích lũy được. Khuyến khích giảng viên áp dụng các PPGD sáng tạo phát huy năng lực của cá nhân và nhóm, cần kết hợp giữa giao nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà với giải đáp, truyền thụ các kiến thức mới trọng tâm trên lớp, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kiến thức mới với củng cố, hệ thống hóa kiến thức. Thông qua các hình thức kiểm tra thường xuyên, định kỳ để phát hiện, bổ sung kiến thức thiếu cho người học.
- Giảng viên cần tạo môi trường học tập phù hợp với từng loại hình bài dạy, khuyến khích người học phát huy tối đa khả năng của cá nhân, đồng thời tạo cơ hội để phát triển năng lực tổ chức và hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Giảng viên cần cụ thể việc lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy trong kế hoạch bài học (giáo án).
- Đầu mỗi năm học khoa, bộ môn tổ chức cho giảng viên đăng ký các PPGD sẽ áp dụng trong năm học đối với từng môn học được phân công giảng dạy. Trên cơ sở phân công của bộ môn, giảng viên đăng ký đổi mới PPGD với

bộ môn và khoa trong đó cần cụ thể thời điểm đăng ký và thực hiện cải tiến PPGD trong năm học.

#### **5.4. Hướng dẫn phương pháp đánh giá môn học**

##### **5.4.1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ**

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

##### **5.4.2. Thi kết thúc môn học**

- Cuối mỗi học kỳ nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc có môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hàng năm khoa, bộ môn tổng hợp hình thức thi kết thúc môn học trình Hiệu trưởng phê duyệt thông qua phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác được quy định trong chương trình chi tiết môn học;

- Nội dung thi hết môn học phải đảm bảo đánh giá người học đạt hay không đạt chuẩn đầu ra của môn học, đồng thời phân loại được người học. Giảng viên quy định rõ về mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học đối với từng môn học trong đề cương môn học.

- Môn học được đánh giá là đạt yêu cầu nếu điểm môn học đạt từ 4 trở lên theo thang điểm 10 tương ứng với điểm D theo thang điểm 4.

#### **5.5. Điều kiện được công nhận tốt nghiệp**

Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;

- Hoàn thành môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh, Giáo dục thể chất theo quy định;

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

**5.6. Việc cập nhật kiến thức, kỹ năng, khoa học công nghệ vào chương trình đào tạo**

- Hàng năm khoa, bộ môn tổ chức cho người học tham gia các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập tại cơ sở như các cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã,...tổ chức lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng, nghiệm thu chương trình đào tạo.

- Giảng viên thực hiện việc cập nhật những tiến bộ của khoa học công nghệ trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng khác có cùng ngành, nghề đào tạo; lựa chọn, tham khảo chương trình đào tạo của một số trường đại học, cao đẳng trong khu vực và trên thế giới.

#### **5.7. Các điều kiện đảm bảo chất lượng**

(có phụ lục kèm theo: Trang thiết bị, nhà giáo, danh mục GTTL)



*Phụ lục: Các điều kiện đảm bảo chất lượng tại tiểu mục 5.7, mục 5 hướng dẫn sử dụng chương trình (đính kèm chương trình đào tạo)*

## 1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 01

- Số phòng thực hành: 02

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy (Mỗi bộ bao gồm):	Bộ	01
	Bình xịt bọt khí CO2	Chiếc	01
	Bình chữa cháy bột	Chiếc	01
	Các bảng tiêu lệnh chữa cháy	Chiếc	01
	Vòi rồng chữa cháy	Chiếc	01
	Trụ chữa cháy	Chiếc	01
	Hộp đựng thiết bị phòng cháy chữa cháy	Chiếc	01
2	Máy vi tính	Bộ	02
3	Máy ảnh	Cái	02
4	Máy quay	Cái	02
5	Máy chiếu đa năng	Cái	02

## 2. Nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo của ngành, nghề: 22

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 1.6

c) Nhà giáo cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
<b>A. CÁC MÔN CHUNG</b>					
1	Đào Huy Quân	Th.sĩ	Có		Chính trị
2	Lò Thị Minh Hậu	Th.sĩ Luật	Có		Pháp luật
3	Lê Duy Thành	Th.sĩ	Có		Giáo dục thể chất
4	Lương Văn Sơn	Th.sĩ	Có		GDQP&AN
5	Phạm Quyết Thắng	Th.sĩ	Có	Bậc 3	Tin học
6	Trần Thị Bích Hạnh	Th.sĩ	Có		Tiếng Anh
<b>B. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH</b>					
1	Ngô Thị Dung	Thạc sĩ	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- Xã hội học - HVCN và MTXH - Tham vấn Gia đình học
2	Phạm Thị Hà	Thạc sĩ	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- Nhập môn CTXH - CTXH trong

			giảng viên đại học, cao đẳng		bệnh viên - CTXH với HIV/AIDS - CTXH với cá nhân
3	Mai Thị Quỳnh Hòa	Thạc sĩ	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- HVCN và MTXH - Gia đình học - Tham vấn - CTXH trong trường học
4	Phùng Thu Hằng	Thạc sĩ	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- Xã hội học - CTXH với nhóm - Sức khỏe cộng đồng - Chính sách xã hội
5	Nguyễn Thị Sánh	Thạc sĩ	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- CTXH với cá nhân - Nhập môn CTXH - Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh - CTXH với người khuyết tật
6	Dương Thị Thế	Thạc sĩ	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- Phát triển cộng đồng - Giới và phát triển - An sinh XH và các vấn đề XH - Giáo dục hòa nhập
7	Đào Thị Thu Trang	Đại học	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- Quản trị CTXH - Quản lý dự án - Chính sách xã hội - CTXH trong trường học
8	Nguyễn Thu Trang	Đại học	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- Quản trị CTXH - Quản lý dự án - CTXH với người khuyết tật - CTXH với HIV/AIDS
9	Lò Thị Minh Hậu	Thạc sĩ	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- Pháp luật

			đại học, cao đẳng		
10	Đào Thị Hợi	Thạc sĩ	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- Giáo dục chính trị
11	Doãn Thị Thu Thanh	Thạc sĩ	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- Giáo dục thể chất
12	Hà Thị Mai Hoa	Đại học	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- GDQP&AN
13	Nguyễn Hải Nam	Thạc sĩ	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- Tin học
14	Trần Trung Kiên	Thạc sĩ	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- Tiếng anh
15	Vũ Thị Hoa	Thạc sĩ	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- Kỹ năng giáo tiếp
16	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ	Chứng chỉ Bồi dưỡng NVSP cho giảng viên đại học, cao đẳng	Chứng chỉ SP dạy nghề.	- Khởi tạo doanh nghiệp

### 3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình tài liệu giảng dạy

a) Tên chương trình: Công tác xã hội; Trình độ đào tạo: trung cấp; Thời gian đào tạo: 02 năm; Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THCS trở lên.

b) Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của ngành/nghề: Công tác xã hội.

TT	Tên môn học	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
<b>A Các môn chung</b>					
1	Giáo dục chính trị	Tài liệu dạy học môn Giáo dục chính trị	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
2	Pháp luật	Tài liệu dạy học môn Pháp luật	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
3	Giáo dục thể chất	Tài liệu dạy học môn GDTC	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
4	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	Tài liệu dạy học môn GDQP-AN	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
5	Tin học	Tài liệu dạy học môn Tin học	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
6	Tiếng Anh	Tài liệu dạy học môn Tiếng Anh	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
<b>B Các môn chuyên môn</b>					
7	Kỹ năng giao tiếp	Giáo trình Kỹ năng giao tiếp	Đinh Văn Đáng	Lao động Xã hội	2008
8	Khởi tạo doanh nghiệp	Giáo trình Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp	Nguyễn Ngọc Huyền	Đại học Kinh tế quốc dân	2011
9	Xã hội học	Xã hội học	Phạm Tất Dong – Lê Ngọc Hùng	ĐHQG Hà Nội	2012
		Xã hội học đại cương	Nguyễn Sinh Huy	ĐHSP	2004
		Giáo trình xã hội học đại cương	Đặng Xuân Quý	Khoa học và Kỹ thuật	2010
		Phương pháp nghiên cứu xã hội học	Phạm Văn Quyết	ĐHQG HN	2012
10	Chính sách xã hội	Chính sách xã hội	Nguyễn Tiệp	NXB Lao động	2011
11	An sinh xã hội và các vấn đề XH	Giáo trình nhập môn An sinh xã hội	Nguyễn Hải Hữu	LĐXH	2007
		Giáo trình luật an sinh xã hội		Công an nhân dân	2011
		An sinh xã hội	Phạm Hưng	Bộ Tư pháp	2011
12	Nhập môn Công tác xã hội	Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Đại học Lao động Xã hội	2004
		Giáo trình Công tác xã hội đại cương	Đặng Lộc Thọ (chủ biên)	NXB Lao động	2014

		Giáo trình Công tác xã hội đại cương	Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2015
		Giáo trình Lý luận về thực hành Công tác xã hội	Nguyễn Thị Như Trang	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2017
13	Công tác xã hội với cá nhân	Bài giảng Công tác xã hội	Phạm Huy Dũng	Đại học Sư phạm	2006
		Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình	Nguyễn Thị Thái Lan	NXB Lao động – Xã hội	2011
		Công tác xã hội làm việc với cá nhân và gia đình ( <i>Chương trình đào tạo cán bộ quản lý công tác xã hội cấp cao</i> )	Cục Bảo trợ xã hội – Học viện xã hội Châu Á & Tổ chức Atlantic Philanthropies Unicef	NXB Hà Nội	2014
14	Công tác xã hội với nhóm	Giáo trình công tác xã hội nhóm	Nguyễn Thị Thái Lan	Lao động Xã hội,	2008
15	Phát triển cộng đồng	Giáo trình phát triển cộng đồng	Nguyễn Thị Kim Liên	Lao động Xã hội	2006
16	Quản trị Công tác xã hội	Giáo trình quản lý xã hội	Đỗ Hoàng Toàn	Khoa học và kỹ thuật	2006
17	Quản lý dự án	Xây dựng và quản lý dự án có sự cùng tham gia	Từ Quang Hiện	Khoa học Xã hội	2003
18	Giới và phát triển	Giới và phát triển (tài liệu chuyên khảo)	Trần Xuân Kỳ	NXB Lao động Xã hội	2006
		Định kiến và phân biệt đối xử theo giới, lý thuyết và thực tiễn	Trần Thị Minh Đức	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008
		Phương pháp lồng ghép giới trong xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam	Nguyễn Thị Thuận	Lao động xã hội	2008
19	Tham vấn	Giáo trình Tham vấn	Bùi Thị Xuân Mai	Lao động Xã hội	2009
		Giáo trình tham vấn tâm lí	Trần Thị Minh Đức	Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
20	Gia đình học	Giáo trình Gia đình học	Hoàng Bá Thịnh	NXB ĐHQG HN	2016
21	Sức khỏe cộng đồng	Tập bài giảng sức khỏe cộng đồng	Khoa Xã hội học	Đại học KHXH và NV	

		Tập bài giảng Môi trường và Sức khoẻ cộng đồng	Hoàng Thị Mỹ Hương	Trường Đại học Nông Lâm TP HCM	2012
22	Hành vi con người và môi trường	Giáo trình Hành vi con người và môi trường,	Nguyễn Thị Hồng Nga	Đại học Lao động Xã hội	2009
23	CTXH với HIV/AIDS	Công tác xã hội với trẻ em nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	Đại học Lao động Xã hội và Tổ chức hỗ trợ phát triển		2009
		Công tác xã hội trong lĩnh vực trợ giúp người nhiễm HIV/AIDS	Bùi Thị Xuân Mai	Đại học Lao động Xã hội	2012
24	CTXH với người khuyết tật	Công tác xã hội với người khuyết tật	Nguyễn Thị Kim Hoa	ĐH Quốc gia HN	2016
25	CTXH với người nghèo	Chuyên đề Xoá đói giảm nghèo	Nguyễn Thị Vân, Bùi Thị Chóm	Đại học Lao động Xã hội	
		Giáo trình phát triển cộng đồng	Nguyễn Thị Kim Liên	Lao động Xã hội	2006
26	Công tác xã hội trong bệnh viện	Tài liệu Công tác xã hội trong bệnh viện (Dành cho người làm công tác xã hội trong bệnh viện)	TS. Phạm Tiến Nam	NXB Lao động - Xã hội	2019
		Giáo trình Công tác xã hội trong y tế	Phạm Huy Dũng, Phạm Huy Tuấn Kiệt	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2016
27	Công tác xã hội trong trường học	Bài giảng CTXH trong trường học	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Đại học Thủ đô Hà Nội	2009
28	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	Giáo trình Chuyên đề giáo dục kỹ năng sống	Nguyễn Thanh Bình	NXB ĐHSP	2014
		Tài liệu hướng dẫn giáo dục kỹ năng sống trong trường THPT	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2008
29	Giáo dục hòa nhập	Giáo trình Giáo dục hoà nhập	Trần Thị Thiệp – Nguyễn Xuân Hải – Lê Thị Thúy Hằng	NXB Giáo dục	2008
		Can thiệp sớm và giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật	Trần Thị Thiệp – Bùi Thị Lâm – Hoàng Thị Nho – Trần Minh Thành	NXB Giáo dục	2006

# **KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

## **TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP NGÀNH, NGHỀ: CÔNG TÁC XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL, ngày 27 tháng 8 năm 2020  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)*

### **1. Giới thiệu chung về ngành, nghề**

Công tác xã hội trình độ trung cấp là ngành, nghề nhằm giúp đỡ những người dân có nhu cầu trợ giúp về tâm lý và xã hội, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Bằng việc áp dụng các phương pháp thực hành trợ giúp chuyên nghiệp, Công tác xã hội giúp đỡ các cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng nâng cao năng lực, phục hồi hoặc tăng cường các chức năng xã hội; đồng thời tạo cơ hội cho họ tiếp cận các nguồn lực, chính sách và dịch vụ xã hội. Qua đó, Công tác xã hội góp phần xây dựng một hệ thống an sinh xã hội tiên tiến, hạn chế phát sinh các vấn đề xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, hướng đến một xã hội lành mạnh, công bằng và hạnh phúc;

Những đối tượng mà Công tác xã hội có nhiệm vụ giúp đỡ bao gồm trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người nghèo, người khuyết tật, người có vấn đề về sức khỏe tâm thần, người nghiện chất, người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, nạn nhân của bạo lực gia đình, nạn nhân do thiên tai, nạn nhân buôn bán người,... Nghề Công tác xã hội làm việc tại các trung tâm/tổ chức cung cấp các dịch vụ an sinh xã hội và tham vấn tâm lý, bệnh viện, trường học, các trung tâm/tổ chức tư vấn và điều trị cai nghiện ma túy, các trung tâm/tổ chức quản lý hoặc triển khai các dự án phát triển cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ (NGO) trong nước và quốc tế hoạt động trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng và phát triển xã hội.

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 1410 giờ (tương đương 55 tín chỉ).

### **2. Kiến thức**

- Trình bày được kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển công tác xã hội trên thế giới và Việt Nam; đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của công tác xã hội; mối quan hệ giữa công tác xã hội và một số ngành học khác; xử lý khủng hoảng, các mô hình trong công tác xã hội,...;

- Mô tả được lịch sử hình thành công tác xã hội: lý thuyết nhận thức hành vi, lý thuyết sinh thái, lý thuyết phân tâm, lý thuyết gia đình, lý thuyết phát triển đời người, thuyết nhu cầu, thuyết hệ thống;

- Phân biệt một cách cơ bản về các cấp độ can thiệp xã hội: cá nhân, nhóm, cộng đồng. Kết nối được phương pháp và kỹ năng trong tham vấn để ứng dụng một cách linh hoạt vào thực hành công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm và phát triển cộng đồng;

- Mô tả được mô hình tiếp cận khác nhau giúp đỡ đối tượng có vấn đề trong cuộc sống; kiến thức nghiên cứu và xây dựng chính sách;

- Khái quát được kiến thức quản lý, điều hành các hoạt động, dịch vụ trợ

giúp cá nhân, gia đình, nhóm;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **3. Kỹ năng**

- Sử dụng được các kỹ năng công tác xã hội cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dịch vụ trợ giúp các cá nhân, gia đình và nhóm để giúp họ tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu của mình;

- Kết nối được các nguồn lực để cải thiện, giải quyết vấn đề xã hội. Kết nối, phát huy nguồn lực nhằm phát triển con người, quản lý xã hội một cách hài hòa ở cấp độ cá nhân, tổ chức nhằm phòng ngừa các yếu tố nguy cơ về tệ nạn xã hội, lệch lạc xã hội,...

- Áp dụng được các kỹ năng: lắng nghe, quan sát, vấn đàm, vãng gia, tham vấn và viết báo cáo, truyền thông nhóm, xử lý xung đột nhóm, kỹ năng thương lượng;

- Đánh giá, phát hiện được các vấn đề trong cộng đồng, huy động nguồn lực phát triển cộng đồng, tham gia quản lý và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, tử mỹ, chính xác, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao;

- Nhận thức về bản thân, biết lắng nghe, thấu cảm, quản lý cảm xúc;

- Trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý. Có tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;

- Tuân thủ các quy điều đạo đức nghề nghiệp của ngành khoa học xã hội nói chung và của ngành công tác xã hội nói riêng.

### **5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Công tác xã hội người cao tuổi;

- Công tác xã hội trẻ em và gia đình;

- Công tác xã hội cơ sở;

- Công tác xã hội người khuyết tật.

- Làm việc tại các cơ sở xã hội thuộc ngành Lao động, Thương binh – Xã hội như trung tâm tư vấn, các trung tâm bảo trợ xã hội, các trung tâm giáo dục lao động; Trung tâm cai nghiện ma túy, phục hồi nhân phẩm, nhân đạo, nuôi dưỡng người già, làm việc với các nhóm người dễ bị tổn thương, nhóm người nguy cơ...

- Cán bộ phụ trách Công tác xã hội, văn hóa - xã hội tại xã phường;



- Giảng dạy cho trẻ khuyết tật tại các trường công lập và tư thục và các trung tâm như trẻ khiếm thính, trẻ chậm phát triển trí tuệ.

#### **6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Công tác xã hội trình độ Trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo./.

#### **7. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo**

- Thông tư 54/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về Ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe và dịch vụ xã hội.

- Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của Học viện Phụ nữ Việt Nam;

- Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn.